

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **262/2026/HS-PT**
Ngày 07/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;
Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 821/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo Đào Thị Thu T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2025/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Đào Thị Thu T, sinh ngày 20/6/1984; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: thôn K, phường T, tỉnh Hưng Yên; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Mạnh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, có chồng là anh Phạm Quang T2, sinh năm 1984 (đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S Bộ C1) và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 12/5/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H;

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Danh H1 và Luật sư Hoàng Phương D - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Luật sư H1 có mặt; Luật sư D vắng mặt.

** Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Phạm Quang T3, Nguyễn Thị N, Hà Ngọc K, Đinh Việt H2, Hà Ngọc Q, Dương Ngọc T4, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Việt C, Nguyễn Ngọc M1, Vũ Thành T5, Trần Văn T6, Phan Ngọc L; 28 bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang T, là chủ quản lý nhân viên nữ có nhiệm vụ rót bia, bấm bài đề cung cấp cho các quán Karaoke trên địa bàn xã V, tỉnh Hưng Yên và phường T, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở xã N, tỉnh Ninh Bình là quản lý nhóm gồm 06 đến 10 nhân viên nữ làm tại các quán karaoke thuộc khu vực xã N, tỉnh Ninh Bình. Trong nhóm nhân viên của N có 02 chị em là Ka L, sinh năm 1995 (*thường gọi là L1*); Ka T1, sinh năm 2002 (*thường gọi là N1*) cùng trú tại thôn A, xã D, tỉnh Lâm Đồng thường bỏ đi chơi, không đi làm nên N không muốn giữ lại và có ý định bán cho chủ (*người quản lý*) khác. N quen Đinh Việt H, sinh ngày 27/12/2007, trú tại thôn N, xã G, tỉnh Ninh Bình làm nhân viên phục vụ quán hát ở phường H, tỉnh Ninh Bình. Khoảng cuối tháng 3/2025, H nhắn tin hỏi N: “*còn người k bán cho em hai, ba đứa; bán cũng được, lm ăn chia cũng được*”. H và N đều hiểu là H muốn mua nhân viên của N về làm phục vụ cho quán hát. N báo với H còn 02 nhân viên chuyển nhượng với giá 50.000.000 đồng rồi gửi ảnh của Ka T1 và Ka L cho H xem. H và N thỏa thuận H sẽ trả cho N 40.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng nợ lại tháng sau sẽ trả, N đồng ý. H gửi cho N vị trí quán hát tại phường H, tỉnh Ninh Bình để N đưa nhân viên đến gặp H. Tối ngày 29/3/2025 N cùng Ka T1 và Ka L đi taxi đến gặp H, tại đây có Dương Ngọc T2, sinh năm 2006, trú tại phường H, tỉnh Ninh Bình; Hà Ngọc Q, sinh năm 2004, trú tại phường H, tỉnh Ninh Bình là bạn của H đến chơi. H chê Ka T1 và Ka L xấu nên không nhận mua, H nói với Q gọi điện hỏi Hà Ngọc K, sinh năm 2001 trú tại phường H, tỉnh Ninh Bình (*K là anh trai ruột của Q làm công việc đưa đón nhân viên nữ đến các quán hát cho Phạm Quang T*) xem bên Thái Bình (*cũ*) có cần người không. Sau đó Q gọi điện video cho K, nói: “*chị này có 02 nhân viên, chị ấy đòi đưa 50.000.000 đồng, anh xem được không K đưa máy điện thoại cho T để T nhìn mặt Ka T1 và Ka L, đồng thời nói chuyện, trao đổi với N, T đồng ý trả cho N 43.000.000 đồng để mua Ka T1 và Ka L về chỗ T làm nhân viên, N yêu cầu phải chuyển tiền ngay*. Lúc này, Q hỏi mượn tiền T2, T2 nói: *tài khoản còn 4.900.000 đồng*. Sau đó Q gọi điện cho K nói N muốn chuyển tiền trước và bảo K chuyển vào tài khoản của T2 10.000.000 đồng. K nói lại với T, T đồng ý và nói với chị dâu là Đào Thị Thu T3, sinh năm 1984, trú tại thôn K, phường T, tỉnh Hưng Yên, dùng tài khoản 8698619848888 ngân hàng M2 chuyển khoản đến số tài khoản 1017787755 ngân hàng V của K, số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua nhân viên. Quyết nhắn tin số tài khoản 104883089146, ngân hàng V1, của T2 cho K, bảo K chuyển tiền cho T2, K chuyển khoản cho T2

10.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền T2 chuyển khoản đến tài khoản của N số tài khoản 61119858888 ngân hàng M2, số tiền 14.900.000 đồng (chuyển làm 02 lần, 01 lần 9.000.000đ, 01 lần 5.900.000 đồng). Q nói với N: lấy nhân viên cho ông anh ở Thái Bình, cứ đem nhân viên sang ấy rồi ông ấy trả nốt tiền, N đồng ý. K gửi định vị địa điểm nhà trọ của T cho Q, Q đi cùng taxi với N; T2 đi cùng taxi với Ka T1 và Ka L đến thôn K, phường T, tỉnh Hưng Yên gặp T, còn H ở lại quán Karaoke. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Q, N, T2, Ka T1 và Ka L đến gặp T tại khu vực sân trong khuôn viên của khu nhà trọ. Tại đây, T hỏi Ka L và Ka T1 có đồng ý làm nhân viên cho T không thì Ka L và Ka T1 đồng ý. Sau khi N và T thống nhất, với nhau về việc N chuyển giao Ka L và Ka T1 cho T với tổng số tiền là 43.000.000 đồng thì T gọi T3 (*đang ở trong nhà*) ra chuyển khoản cho N số tiền 28.000.000 đồng, tổng số tiền N đã nhận để chuyển giao Ka T1 và Ka L về làm việc cho T là 42.900.000 đồng; ngoài ra, T còn bảo T3 chuyển khoản cho T2 số tiền 7.000.000 đồng gồm: 5.000.000 đồng tiền T2 đã bỏ ra trước đó để trả tiền đặt cọc mua Ka L và Ka T1 (*thực tế T2 chỉ bỏ ra 4.900.000 đồng*), 2.000.000 đồng là tiền công giao dịch đã đưa nhân viên về làm cho T. T bảo T3 chuyển khoản thanh toán tiền taxi cho Q và T2 về Ninh Bình là 1.400.000 đồng. Quá trình T3 thực hiện các giao dịch chuyển khoản, T3 biết mục đích chuyển khoản tiền là để đặt cọc, thanh toán nốt số tiền còn lại để mua Ka T1 và Ka L làm nhân viên phục vụ quán hát karaoke. Sau khi nhận tiền, N tự đi về tỉnh Ninh Bình. Q, H, T2 mỗi người được hưởng 700.000đ công tìm nhân viên cho T.

Ngày 09/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H (*trước đây là Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T*) tiến hành khám xét khẩn cấp Khu nhà trọ của Phạm Quang T tại thôn K, phường T, tỉnh Hưng Yên, (*nhà trọ thuộc quyền sở hữu của Đào Thị Thu T3*), xác định từ tháng 04/2024 T giữ trái phép 28 nhân viên nữ làm nhiệm vụ phục vụ rót bia, bấm bài tại các quán Karaoke, ăn ở tập trung trong 11 phòng thuộc 02 tầng trong khu nhà trọ. Xung quanh khu nhà trọ có tường bao được vây kín bằng hàng rào kim loại, lắp đặt hệ thống camera theo dõi; quy định cụ thể đối với các nhân viên nữ về giờ giấc sinh hoạt tại nơi ở, không được tự ý ra khỏi phòng trọ, khuôn viên nhà trọ; điện thoại di động chỉ sử dụng để nhận thông báo, giờ giấc đi làm của nhân viên, hạn chế việc sử dụng vào mục đích cá nhân; các nhân viên được phân công ở tại phòng riêng, không được sang phòng khác, hạn chế trao đổi nói chuyện với nhau; cổng ra vào nhà trọ luôn được khóa và phân công người canh coi, quản lý, giám sát; Khi các nhân viên đi làm thì T trực tiếp đưa đi hoặc phân công người đưa đi, đón về, quá trình làm việc tại quán karaoke các nữ nhân viên đều bị theo dõi, giám sát chặt chẽ. Tại đây, T thuê 07 bị can gồm: Hà Ngọc K, Trần Văn T4, sinh năm 1986, trú tại thôn T, phường V, tỉnh Hưng; Nguyễn Văn N2, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên; Phan Ngọc L2, sinh năm 1993, trú tại thôn S, xã Q, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Viết C, sinh năm 1987, trú tại xã V, tỉnh Ninh Bình; Hoàng Văn M, sinh năm 1997, trú tại xã L, tỉnh Sơn La; Vũ Thành T5, sinh năm 1971, trú tại tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên vụ trông coi, quản lý, điểm danh từng phòng ở, đưa đón nhân viên nữ để giám sát, theo dõi

không cho các nhân viên bỏ trốn khỏi nhà trọ và chỗ làm. Đối với Đào Thị Thu T3 cho T thuê dãy nhà trọ với giá 2.000.000đ/ phòng. T3 được T thuê, giao nhiệm vụ quản lý thu, chi sinh hoạt, trả tiền lương nhân viên đi làm tại các quán hát karaoke và những người được T thuê quản lý nhân viên nữ; mọi hoạt động thu chi sẽ do T3 chịu trách nhiệm ghi chép vào sổ sách; trước khi thu, chi T3 đều báo cáo xin ý kiến của T. Ngoài ra, nếu các nhân viên nữ muốn ra ngoài thì có thể xin phép T3. Đối với Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1996, trú tại xã T, tỉnh Nghệ An vừa làm nhân viên phục vụ bầm bài, rót bia tại các quán hát, vừa được T giao nhiệm vụ quản lý, giám sát các nhân viên nữ, vào lúc 13 giờ hàng ngày tất cả nhân viên nữ phải xuống sân tầng 1 để M1 điểm danh đồng thời hỗ trợ T3 việc ghi chép sổ sách các ca làm việc và tiền ứng của nhân viên. T sắp xếp 29 nhân viên ở 11 phòng trọ, mỗi phòng trọ thường có một nam, nữ nhân viên ở cùng quản lý, giám sát, cụ thể như sau:

*** Tầng 1:**

Phòng 1: Ninh Thị L, sinh ngày 25/9/2010, trú tại thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; T, sinh ngày 23/11/2008, trú tại thôn N, xã Q, tỉnh Quảng Ninh và Vui Thị Thanh H, sinh ngày 28/8/2010, trú tại Bản T, xã B, tỉnh Lai Châu. Phòng có Nguyễn Viết C ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 2: Chiu Thanh P, sinh ngày 12/10/2009, trú tại thôn B, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Lò Thị H1, sinh ngày 14/06/2009, trú tại bản Tác Xôm, xã T, tỉnh Lai Châu. Phòng có Trần Văn T ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 3: Ka Tỷ; Ka Lịch; Đặng Thị Lưu L1, sinh ngày 13/3/2010, trú tại số H M, khối B phường K, tỉnh Lạng Sơn; Bùi Thanh H2, sinh ngày 07/12/2000, trú tại khu phố Đ - Chùa D, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Phòng có Nguyễn Ngọc M ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 4: Hà Thị T1, sinh ngày 21/4/2008, trú tại thôn C, xã Y, tỉnh Cao Bằng; T, sinh ngày 20/08/2009, trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; do Phan Ngọc L2 ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 5: Hà Thị Thùy L3, sinh ngày 12/01/2006, trú tại Rằng, xã C, tỉnh Phú Thọ; Ninh H, sinh ngày 24/09/2008, trú tại thôn D, N, tỉnh Tuyên Quang và Chiu Thị H3, sinh ngày 17/01/2010, trú tại thôn N, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Phòng 6: Hà Thị H4, sinh ngày 5/8/2008 trú tại thôn Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 31/10/2008, trú tại thôn Y, T, tỉnh Phú Thọ và Bùi Diệp Lan A, sinh ngày 24/05/2009, trú tại số D Đường T, Khối T, phường L, tỉnh Lạng Sơn.

*** Tầng 2:**

Phòng 1: Lò Thị Như Q, sinh ngày 06/12/2006, trú tại bản Trung Tâm, M, tỉnh Điện Biên và Tô Thị Ngọc D, sinh ngày 29/06/2008, trú tại TDP G, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Phòng 2: Trịnh Thị Kiều T, sinh ngày 06/10/2006, trú tại thôn P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Quách Thị Hương T1, sinh ngày 16/11/2007, trú tại thôn T, T, tỉnh

Bắc Ninh và Nguyễn Thùy C, sinh ngày 15/01/2008, trú tại thôn D, Hồ N, thành phố Hà Nội; do Hà Ngọc K ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 3: Phạm Quang T2; Nguyễn Phương L, sinh ngày 01/02/2005, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố Hà Nội, do T2 quản lý, giám sát

Phòng 4: Chiu Hoài T3, sinh ngày 16/02/2007, trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và Trần Phương L1, sinh ngày 18/06/2008, trú tại tổ A, khu A, phường C, tỉnh Quảng Ninh; do Nguyễn Văn N; Hoàng Văn M ở cùng, quản lý, giám sát.

Phòng 5: Triệu Bích L2, sinh ngày 10/01/2006, trú tại xóm V, xã T, tỉnh Phú Thọ; Hoàng Thị Thanh T4, sinh ngày 25/09/2006, trú tại xóm T, xã Đ, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 22/04/2006, trú tại thôn H, xã G, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình 28 nhân viên nữ làm việc dưới sự quản lý của T2, nếu không thực hiện theo yêu cầu, quy định của T2 thì họ sẽ bị đánh, cụ thể: Vào tháng 12/2024 Đặng Thị Lưu L3 bị khách phản ánh về thái độ phục vụ tại quán karaoke không tốt nên đã bị Nguyễn Viết C1 dùng tay đánh vào mặt; tháng 04/2025 Quách Thị Hương T1 tự ý nói chuyện, nô đùa trong phòng nên đã bị Nguyễn Văn N dùng tay và chân đánh vào mặt.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSTB ngày 26/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đào Thị Thu Thủy về tội “Mua bán người” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự và tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm a, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng còn truy tố đối với các bị cáo Phạm Quang T2, Nguyễn Thị N1, Hà Ngọc K, Đinh Việt H, Hà Ngọc Q1, Dương Ngọc T5, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Viết C1, Nguyễn Ngọc M1, Vũ Thành T6, Trần Văn T7, Phan Ngọc L4 với các tội danh “Mua bán người”; “Giữ người trái pháp luật”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2025/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên quyết định:

Tuyên bố Đào Thị Thu T8 phạm tội “Mua bán người” và “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 150; điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58, 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Thị Thu T8 8 năm tù về tội “Mua bán người” và 2 năm 6 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Thị Thu T8 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025. Phạt bổ sung bị cáo Đào Thị Thu T8 20 (hai mươi) triệu đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phạm Quang T2, Nguyễn Thị N1, Hà Ngọc K, Đinh Việt H, Hà Ngọc Q1, Dương Ngọc T5, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Viết C1, Nguyễn Ngọc M1, Vũ Thành T6, Trần Văn T7, Phan Ngọc L4; quyết định về xử lý vật

chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/11/2025, bị cáo Đào Thị Thu T8 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Thị Thu T8 giữ nguyên kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có thêm các tình tiết mới, cụ thể: Bị cáo tác động gia đình nộp 5.3000.000 đồng là một phần tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự theo bản án sơ thẩm; gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, mẹ chồng bị cáo trên 90 tuổi, chồng bị cáo cũng đang phải chấp hành án phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 con của bị cáo còn nhỏ và hiện bị cáo đang còn khoản nợ vay ngân hàng để xây nhà trọ đang cho thuê; gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đào Thị Thu T8 phạm tội “Mua bán người” và “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 2 Điều 150 và khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp Đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thật thà khai báo, đã tác động gia đình nộp 5.300.000 đồng là một phần tiền phạt và án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm. Các tình tiết này được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 10 năm 06 tháng tù đối với cả hai tội là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh, nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình, nhân thân bị cáo, bản sơ thẩm chưa ghi nhận gia đình bị cáo có công Cách mạng: Cụ nội của bị cáo là bà Nguyễn Thị G được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng hiện nay gia đình bị cáo đang trực tiếp thờ cúng; bố bị cáo ông Đào Mạnh H1 có thời gian phục vụ trong Quân đội (đã mất); xin HĐXX giảm cho bị cáo mức hình phạt dưới 10 năm tù đối với cả hai tội danh; ngoài ra, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét khấu trừ khoản tiền 19 triệu đồng Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo để khấu trừ nghĩa vụ nộp tiền phạt theo bản án sơ thẩm để xác định bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Đơn kháng cáo của bị cáo Đào Thị Thu T trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu mới là: Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị T1 trình bày gia đình có nhân thân tham gia Cách mạng; Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của em gái bị cáo chị Đào Thị N xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; Biên lai thu tiền phạt 5.300.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Các tài liệu mới này được tranh tụng, thẩm vấn công khai tại phiên tòa, nên được xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị Thu T tiếp tục thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình cùng các bị cáo khác đúng như bản án sơ thẩm quy kết; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo đó có đủ căn cứ để xác định: Từ khoảng tháng 4/2024, T7 làm công việc cung cấp nhân viên nữ phục vụ tại các quán hát karaoke trên địa bàn xã V và phường T, tỉnh Hưng Yên. T7 thuê tầng 1, tầng 2 dãy nhà trọ của Đào Thị Thu T tại thôn K, phường T, tỉnh Hưng Yên sử dụng để cho các nhân viên nữ ở, sinh hoạt và thuê Hà Ngọc K, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Ngọc M1, Nguyễn Viết C, Phan Ngọc L, Trần Văn T2 và Vũ Thành T3 quản lý, giám sát hoạt động của nhân viên nữ tại nơi ở và nơi làm việc. Giao Đào Thị Thu T4 vụ quản lý thu, chi sinh hoạt, trả tiền lương nhân viên đi làm tại các quán hát karaoke và những người được T7 thuê quản lý nhân viên nữ; các nhân viên nữ muốn ra ngoài thì có thể xin phép T. Nguyễn Ngọc M1 vừa làm nhân viên phục vụ bầm bải, rót bia tại các quán hát, vừa được T7 giao nhiệm vụ quản lý, giám sát, điểm danh hàng ngày các nhân viên nữ, M1 hỗ trợ T việc ghi chép sổ sách các ca làm việc và tiền ứng của nhân viên. Tại khu trọ T7 tự đề ra nội quy riêng, yêu cầu các nhân viên nữ phải thực hiện theo. Tính đến ngày 09/5/2025, T7 cùng T, K, M, N1, M1, C, L, T2, T3 đã giữ trái phép 28 nhân viên nữ (*17 người dưới 18 tuổi*) làm hạn chế việc đi lại, không để cho các nhân viên nữ vượt qua sự kiểm soát của nhóm bị can nếu người nào không thực hiện theo thì sẽ bị phạt, đánh. Ngoài ra, ngày 29/3/2025, thông qua Đinh Việt H, Hà Ngọc Q, Dương Ngọc T5, Hà Ngọc K, Đào Thị Thu T thì Nguyễn Thị N2 đã bán Ka T6, Ka L1 cho Phạm Quang T7 với số tiền là 43.000.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Quang T7, Nguyễn Thị N2, Hà Ngọc K, Dương Ngọc T5, Hà Ngọc Q, Đinh Việt H và Đào Thị Thu T đã phạm vào tội “Mua bán người”, theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; Phạm Quang T7, Đào Thị Thu T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Ngọc M1, Phan Ngọc L, Vũ Thành T3, Hà Ngọc K, Hoàng Văn M và Trần Văn T2 về tội “Giữ người trái pháp luật”, theo quy định tại điểm a, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Phạm Quang T7, Nguyễn Thị N2, Hà Ngọc K, Đinh Việt H, Hà Ngọc Q, Dương Ngọc T5, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Ngọc M1, Vũ Thành T3, Trần Văn T2, Phan Ngọc L không kháng cáo nên không xét.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản án sơ thẩm đã đánh giá “Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, quyền tự do thân thể và danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể, tổ chức việc tuyển chọn, quản lý, giam giữ và mua bán các nhân viên nữ, trong đó có nhiều người chưa đủ 18 tuổi, nhằm mục đích vụ lợi. Các bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của bị hại để lừa đưa đi bán, thu lợi bất chính, xâm hại trực tiếp đến thân thể và nhân phẩm của con người. Ngoài ra, các bị cáo còn có hành vi giữ người trái pháp luật, tước đoạt quyền tự do của người khác nhằm che giấu hành vi phạm tội và thực hiện mục đích mua bán. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng cho bị hại và gia đình họ, mà còn gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án, theo đó bị cáo Đào Thị Thu T là người giúp sức tích cực cho T7, biết rõ hành vi phạm tội nhưng vẫn thực hiện việc chuyển tiền mua người, quản lý thu chi, giám sát nhân viên, góp phần duy trì hoạt động phạm tội trong thời gian dài nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi; tại các phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS; cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức án 08 năm tù đối với tội “Mua bán người” là khởi điểm của khung hình phạt áp dụng với bị cáo là phù hợp. Mức án 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” đối với bị cáo là có phần chưa tương xứng với mức độ, hành vi đồng phạm của bị cáo. Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng do là người cho bị cáo T7 thuê một phần căn nhà của bị cáo, chính bị cáo vẫn ở tại tầng ba của căn nhà này; bị cáo không tham gia vào việc quản lý, giám sát các nhân viên nữ ăn, ở tại đây; việc quản lý chi tiêu và trả lương cho những nhân viên này được bị cáo thực hiện đầy đủ theo chính lời khai xác nhận của họ, không gây khó khăn, giám sát đối với họ. Do vậy hành vi của bị cáo đồng phạm có mức độ. Hình phạt khởi điểm của khung hình phạt áp dụng với bị cáo mới là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đào Thị Thu T có thêm tình tiết mới nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với tội danh “Giữ người trái pháp luật”. Đối với quan điểm của Luật sư đề nghị khấu trừ khoản tiền 19 triệu đồng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo để khấu trừ nghĩa vụ nộp tiền phạt theo bản án sơ thẩm để xác định bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ này. đề này tại bản án sơ thẩm chưa xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét và sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành bản án nếu có.

[4]. Quan điểm đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên không phải nộp án

phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Thị Thu T; sửa một phần quyết định về phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2025/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đối với bị cáo Đào Thị Thu T, cụ thể như sau:

Tuyên bố Đào Thị Thu T phạm tội “Mua bán người” và “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 150; điểm a, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58, 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Thu T 08 (T1) năm tù về tội “Mua bán người” và 02 (H) năm tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Thị Thu T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (M) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Đào Thị Thu T 20 (hai mươi) triệu đồng.

Ghi nhận bị cáo đã nộp một phần tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm 5.300.000 đồng tại Biên lai số 0001308 ngày 26/11/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Bị cáo Đào Thị Thu T không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CQ THAHS CA tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- TTG số 2 CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo Thủy (qua TTG số 2 CA tỉnh Hưng Yên);
- Lưu HSPA, P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà

Phạm Văn Lợi

Nguyễn Vũ Đông